

THÔNG BÁO

Điều chỉnh Kế hoạch giao thu và Thông báo kết quả số thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2021

Căn cứ Quyết định số 2625/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 và Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hợp đồng số 03/2020/HĐĐR ngày 31/12/2020 về việc xử lý rác thải sinh hoạt của thành phố Uông Bí năm 2021 giữa UBND thành phố Uông Bí với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Việt Long;

Căn cứ Hợp đồng số 02/2021/HĐ-DVCINT ngày 13/01/2021 về việc thực hiện gói thầu: Cung ứng dịch vụ công ích đô thị trên các tuyến đường nội thành, thuộc Dịch vụ công ích đô thị thành phố Uông Bí năm 2021, giữa UBND thành phố Uông Bí với liên danh Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Uông Bí Quảng Ninh - Công ty cổ phần sản xuất và thương mại than Uông Bí;

Căn cứ Thông báo số 39/TB-UBND ngày 26/01/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc Giao kế hoạch thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 114/TB-UBND ngày 17/3/2021 của UBND thành phố Uông Bí về việc điều chỉnh kế hoạch thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2021 đối với 02 Công ty cung ứng dịch vụ công ích;

Căn cứ Công điện số 03/CĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19; Công văn số 1393/UBND-DL1 ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh một số biện pháp phòng chống dịch nhằm khôi phục các hoạt động kinh tế xã hội trong trạng thái bình thường mới; Công văn số 1626/UBND-DL1 ngày 21/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc một số biện pháp khôi phục các hoạt động kinh tế xã hội trong trạng thái bình thường mới; Công điện số 10/CĐ-UBND ngày 30/4/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19; Công văn số 3258/UBND-DL1 ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai một số biện pháp đảm bảo phòng chống dịch; Công văn số 3531/UBND-

2. Kết quả thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố năm 2021

Theo số liệu báo cáo, cung cấp của 02 công ty cung ứng dịch vụ công ích, tổng số thu giá dịch vụ năm 2021 đạt 9.484.129.000 đồng = 93% kế hoạch, thiếu 707.382.000 đồng so với kế hoạch đề ra; Trong đó:

- Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Uông Bí thực hiện thu đạt 5.162.939.000 đồng, = 92% kế hoạch, thiếu 433.941.000 đồng so với kế hoạch đề ra;

- Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Việt Long thực hiện thu đạt 4.321.190.000 đồng, = 94% kế hoạch, thiếu 273.440.000 đồng kế hoạch đề ra.

(1) Kết quả thu các hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do UBND các xã, phường tuyên truyền, vận động, thu hộ đạt 7.188.841.000 đồng = 92% kế hoạch, thiếu 605.519.000 đồng so với kế hoạch giao; Cụ thể như sau:

- Đơn vị có kết quả thu cao, vượt mức kế hoạch giao: Phường Nam Khê thu đạt 104% kế hoạch.

- Đơn vị có kết quả thu gần đạt mức kế hoạch giao: Phường Thanh Sơn và phường Vàng Danh thu đạt 99% kế hoạch; phường Yên Thanh thu đạt 92% kế hoạch; phường Quang Trung thu đạt 91% kế hoạch; phường Trung Vương thu đạt 90% kế hoạch.

- Đơn vị có kết quả thu chưa cao: Phường Phương Đông và phường Bắc Sơn thu đạt 86% kế hoạch; phường Phương Nam thu đạt 84% kế hoạch.

- Đơn vị có kết quả thu tương đối thấp: Xã Thượng Yên Công thu đạt 79% so với kế hoạch giao.

(2) Kết quả thu tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ký hợp đồng trực tiếp (do 2 công ty cung ứng dịch vụ trực tiếp thực hiện) đạt 1.453.267.000 đồng, = 94% kế hoạch, thiếu 98.458.000 đồng kế hoạch giao.

(3) Kết quả thu tại các Chợ trên địa bàn (các Ban quản lý chợ thu hộ dịch vụ xử lý rác thải) đạt 448.027.000 đồng, = 101% kế hoạch, vượt 2.602.000 đồng so với kế hoạch giao.

(4) Kết quả thu các công trình xây dựng (do Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Uông Bí trực tiếp thu tại Trung tâm Hành chính công Thành phố) đạt 393.994.000 đồng, = 98% kế hoạch, thiếu 6.006.000 đồng so với kế hoạch giao.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

3. Đánh giá chung

Năm 2021, các phòng, ban, đơn vị liên quan của UBND Thành phố, đặc biệt là UBND các xã phường, các Ban quản lý các chợ trên địa bàn và 02 đơn vị cung ứng dịch vụ công ích đã có nhiều cố gắng trong triển khai thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 có nhiều đơn vị (một số phường xã, công ty Môi trường) có kết quả thu giá dịch vụ chưa đạt kế hoạch giao, nên kết quả thu giá dịch vụ trên địa bàn mới đạt 93% kế hoạch giao năm 2021;

Để quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố năm 2022, UBND Thành phố yêu cầu UBND các xã, phường; các đơn vị cung ứng dịch vụ công ích; các đơn vị kinh doanh quản lý chợ trên địa bàn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tiếp tục tích cực, chủ động trong công tác tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn thực hiện việc nộp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định;

Thông nhất từ năm 2022, kết quả thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn sẽ là một trong những tiêu chí phân loại, đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm của các đơn vị liên quan.

UBND Thành phố thông báo để Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Ưng Bí, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Việt Long, UBND các phường, xã trên địa bàn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan biết, triển khai, thực hiện./. ✓

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND TP (c/đ);
- Chi cục thuế Khu vực UB-QY (p/h);
- Cty CP Môi trường & CT đô thị UB (t/h);
- Cty CP Đầu tư & XD Việt Long (t/h);
- UBND các phường, xã trên địa bàn TP (t/h);
- Lưu VP, TC-KH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tiệp

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH GIAO THU GIÁ DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI

Năm 2021

(Kèm theo Thông báo số 880/TB-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT		NỘI DUNG			KẾ HOẠCH GIAO THU NĂM 2021 SAU ĐIỀU CHỈNH LẦN 1 (Thông báo số 114/TB-UBND ngày 17/3/2021)			ĐIỀU CHỈNH GIẢM KH THU LẦN 2 (Các đối tượng kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19)			KẾ HOẠCH GIAO THU NĂM 2021 SAU ĐIỀU CHỈNH		
					Thu gom, VC	Xử lý rác	Cộng	Thu gom, VC	Xử lý rác	Cộng	Thu gom, VC	Xử lý rác	Cộng
					A	B	1	2	3=1+2	4	5	6=4+5	7=1+4
		TỔNG CỘNG:			5.881.100 -	4.740.550 -	10.621.650 -	(284.220)	(145.920)	(430.140)	5.596.880 -	4.594.630 -	10.191.510 -
I	Hộ GD, cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp	4.408.224	3.816.276	8.224.500	(284.220)	(145.920)	(430.140)	4.124.004	3.670.356	7.794.360			
1	Quang Trung	1.045.620	974.112	2.019.732	(95.820)	(46.020)	(141.840)	949.800	928.092	1.877.892			
2	Thanh Sơn	930.432	641.028	1.571.460	(26.520)	(12.840)	(39.360)	903.912	628.188	1.532.100			
3	Trung Vương	296.436	431.556	727.992	(10.560)	(5.040)	(15.600)	285.876	426.516	712.392			
4	Phuong Đông	296.820	332.532	629.352	(25.560)	(13.140)	(38.700)	271.260	319.392	590.652			
5	Phuong Nam	366.468	392.208	758.676	(26.160)	(13.200)	(39.360)	340.308	379.008	719.316			
6	Yên Thanh	370.572	271.740	642.312	(50.160)	(25.080)	(75.240)	320.412	246.660	567.072			
7	Nam Khê	272.616	176.004	448.620	(8.460)	(4.260)	(12.720)	264.156	171.744	435.900			
8	Vàng Danh	382.200	329.856	712.056	(15.780)	(14.340)	(30.120)	366.420	315.516	681.936			
9	Bắc Sơn	160.440	133.140	293.580	-	-	-	160.440	133.140	293.580			
10	Thượng Yên Công	286.620	134.100	420.720	(25.200)	(12.000)	(37.200)	261.420	122.100	383.520			
II	DN ký HĐTT	1.072.876	478.849	1.551.725	-	-	-	1.072.876	478.849	1.551.725			
1	Cty Môi trường	1.072.876	-	1.072.876				1.072.876		1.072.876			
2	Cty Việt Long	-	478.849	478.849					478.849	478.849			
IV	Các chợ (Cty Việt Long)		445.425	445.425	-	-	-	-	445.425	445.425			

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH GIAO THU NĂM 2021 SAU ĐIỀU CHỈNH LẦN 1 (Thông báo số 114/TB-UBND ngày 17/3/2021)			ĐIỀU CHỈNH GIẢM KH THU LẦN 2 (Các đối tượng kinh doanh ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19)			KẾ HOẠCH GIAO THU NĂM 2021 SAU ĐIỀU CHỈNH		
		Thu gom, VC	Xử lý rác	Cộng	Thu gom, VC	Xử lý rác	Cộng	Thu gom, VC	Xử lý rác	Cộng
A	B	1	2	3=1+2	4	5	6=4+5	7=1+4	8=2+5	9=7+8
1	BQL Chợ Trung Tâm		203.640	203.640					203.640	203.640
2	Cty Thanh Thảo		170.280	170.280					170.280	170.280
	Chợ Quang Trung		89.280	89.280					89.280	89.280
	Chợ Yên Thanh		32.460	32.460					32.460	32.460
	Chợ Thanh Sơn		34.680	34.680					34.680	34.680
	Chợ Phương Đông		13.860	13.860					13.860	13.860
3	Cty CP&PT ĐT QN- Chợ Nam Khê		11.940	11.940					11.940	11.940
4	Chợ Trung Vương		13.545	13.545					13.545	13.545
5	Chợ Phương Nam		22.620	22.620					22.620	22.620
6	Chợ Vàng Danh		23.400	23.400					23.400	23.400
7	Chợ Thượng Yên Công		-	-					-	-
V	Thu công trình XD	400.000		400.000				400.000		400.000

THỰC HIỆN THU NĂM 2021																	
STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH GIAO THU NĂM 2021 SAU ĐIỀU CHỈNH LẦN 2				Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Ưông Bí báo cáo				Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Việt Long báo cáo				Tổng hợp			
		Thu gom, VC	Xử lý rác	Tổng cộng	Thu gom, VC	TH/KH (+/-)	TH/KH (tỷ lệ)	Xử lý rác	TH/KH (+/-)	TH/KH (tỷ lệ)	Tổng thu năm 2021	TH/KH (+/-)	TH/KH (tỷ lệ)				
4		1	2	3=1+2	4	5=4-1	6=4/1	7	8=7-2	9=7/2	10=4+7	11=10-3	12=10/3				
1	BQL Chợ Trung Tâm		203.640	203.640				204.442	802	100%	204.442	802	100%				
2	Cty Thanh Thảo		170.280	170.280				170.280	-	100%	170.280	-	100%				
-	Chợ Quang Trung		89.280	89.280				89.280	-	100%	89.280	-	100%				
-	Chợ Yên Thanh		32.460	32.460				13.860	(18.600)	43%	13.860	(18.600)	43%				
-	Chợ Thanh Sơn		34.680	34.680				32.460	(2.220)	94%	32.460	(2.220)	94%				
-	Chợ Phương Đông		13.860	13.860				34.680	20.820	250%	34.680	20.820	250%				
3	Cty CP&PT ĐT QN-Chợ Nam Khê		11.940	11.940				11.940	-	100%	11.940	-	100%				
4	Chợ Trung Vương		13.545	13.545				13.545	-	100%	13.545	-	100%				
5	Chợ Phương Nam		22.620	22.620				22.620	-	100%	22.620	-	100%				
6	Chợ Vàng Danh		23.400	23.400				23.400	-	100%	23.400	-	100%				
7	Chợ Thương Yên Công		-	-				1.800	1.800		1.800	1.800	100%				
IV -	Thu công trình XD	400.000		400.000	393.994	(6.006)	98%				393.994	(6.006)	98%				